TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2026/DS-ST
Ngày: 20-7-2026
V/v "T/c về chia di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dễ

Bà Mai Thị Bỉ

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Nguyễn Vĩnh Phúc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh tham gia phiên tòa*:* Ông Lê Văn Hải – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh) về việc *"Tranh chấp về chia di sản thừa kế"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị B, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số A K, Đường B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số G, ấp T, xã V, tỉnh Tây Ninh. *(có mặt)*

2. Bị đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số D, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh). *(vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1957; Địa chỉ: Số A, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh). *(xin vắng mặt)*

3.2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số A, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh). *(xin vắng mặt)*

3.3. Bà Võ Thị C, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số E, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh). *(có mặt)*

3.4. Chị Tất Thiếu M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số B, Đường B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.5. Chị Tất Thiếu M1, sinh năm 1999; Địa chỉ: Số B, Đường B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

3.6. Chị Tất Thiếu B1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số B, Đường B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) *(có mặt)*.

Người đại diện theo ủy quyền của chị M và chị M1: Chị Tất Thiếu B1, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số B, Đường B, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) *(có mặt)*.

3.7. Bà Lưu Thị N1, sinh năm 1953; Địa chỉ: Số A, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1: Anh Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số A, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh). *(có mặt)*.

3.8. Chị Lê Thị Thùy T2, sinh năm 1990 và anh Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1990 (chị T2 là con ruột bà N1, anh Đ là chồng chị T2, cả 02 đang sống chung nhà với bà N1); Địa chỉ: Số A, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh). *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 14/3/2025 và 01/4/2025 của bà Võ Thị B thì nội dung khởi kiện của bà B đối với bà Võ Thị T được tóm tắt như sau:

Mẹ của bà B là cụ Võ Thị L, sinh năm 1925 và cha của bà B là cụ Lê Văn Đ1, sinh năm 1925. Cha mẹ bà B có 06 người con gồm: Lê Văn T1, Lê Thị C1, Lê Thị N, Võ Thị B, Võ Thị T và Võ Thị C. Khi còn sống, cha mẹ bà B có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa 78 và 195, cùng tờ bản đồ số 19, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh), do cụ Lê Văn Đ1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1995, cụ lê chết. Năm 2023, cụ Đ1 chết. Cả hai đều không có để lại di chúc. Trên thửa đất 78 có 02 ngôi nhà gồm: 01 ngôi nhà do cha mẹ bà B xây dựng từ lâu và 01 ngôi nhà do bà C xây dựng từ năm 2008 để bà C sinh sống, thửa đất 78 này năm 2019 bà T cũng tự ý chuyển nhượng cho người khác và được bà C chuộc lại. Đối với thửa 195 thì bà C có xây dựng 01 căn nhà trên đó vào năm 2020 và có ý muốn được đứng tên quyền sử dụng đất thửa 195, nhưng khi đó bà T không đồng ý.

Nay bà B khởi kiện bà T ra Tòa án yêu cầu giải quyết: Chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ L, cụ Đ1 để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa 78 và 195, cùng tờ bản đồ số 19, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh) cho 06 người con, mỗi người hưởng 1/6. Bà B xin nhận đất là khoảng 199,5m^2 thuộc 01 phần thửa đất 78, có giá trị tạm tính là 200.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 12/11/2025, bà Võ Thị B xin thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Trước đây khi khởi kiện, bà B có yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế là hiện vật, nay bà B xin thay đổi là nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị.

Tại bản tự khai ngày 14/7/2025 và ngày 22/6/2026, bà Võ Thị B nêu ý kiến đối với yêu cầu độc lập của bà Lưu Thị N1 tóm tắt như sau: Bà B không đồng ý toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Lưu Thị Nhung .

Tại phiên hòa giải ngày 21/4/2026, chị Tất Thiếu B1 với tư cách là đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Võ Thị B trình bày ý kiến bổ sung, được tóm tắt như sau:

Cụ Lê Văn Đ1, sinh năm 1925, chết năm 2023 và cụ Võ Thị L, sinh năm 1932, chết năm 2015 là vợ chồng. Cụ Đ1, cụ L có 06 người con gồm: Ông Lê Văn T1 sinh năm 1957; bà Lê Thị C1, sinh năm 1960, chết năm 2021 *(chồng bà C1 là ông Tất Hiệp H1 chết năm 2016, bà C1 và ông H1 có 03 người con gồm: Tất Thiếu M, sinh năm 1986; Tất Thiếu B1 , sinh năm 1988; Tất Thiếu M1, sinh năm 1999)*; bà Lê Thị N, sinh năm 1962; bà Võ Thị B, sinh năm 1965; bà Võ Thị T, sinh năm 1968 và bà Võ Thị C, sinh năm 1971. Ngoài ra cụ Đ1, cụ L không có con riêng, con nuôi nào khác. Di sản do cụ Đ1, cụ L để lại là quyền sử dụng đất thuộc thửa 78 và 195, cùng tờ bản đồ số 19, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh). Trước đây khi khởi kiện, bà B có yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế là hiện vật, nay bà B xin thay đổi là nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị. Về căn nhà của cụ L, cụ Đ1 để lại trên thửa đất số 78, thì quá trình quản lý, sử dụng, vợ chồng ông Thủ bà N1 đã tháo dỡ, sửa chữa lại thành căn nhà mới như hiện nay. Về yêu cầu độc lập của bà N1, thì bà B không đồng ý toàn bộ. Đối với yêu cầu độc lập của bà C, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 thì bà B đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2026, bà Nguyễn Thị Lệ H với tư cách là đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị B trình bày ý kiến thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà B như sau:

Bà B chỉ yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị cụ thể như sau: Tổng giá trị di sản thừa kế cụ Đ1, cụ L để lại là 1.728.974.000 đồng, chia làm 06 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị thành tiền là 288.162.333 đồng. bà B xin nhận kỷ phần thừa kế là số tiền 288.162.333 đồng và yêu cầu những người thừa kế nào nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật có nghĩa vụ hoàn lại cho bà B số tiền 288.162.333 đồng. Bà B đồng ý với ý kiến của bà C về việc nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là phần đất diện tích 307,8m^2 thuộc 01 phần thửa 78 có vị trí Khu A trên Mảnh trích đo địa chính. Bà C có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần

chênh lệch cho các thừa kế còn lại. Về phần chuồng heo có trên phần đất vị trí Khu A mà bà C yêu cầu nhận, thì bà B xác định phần chuồng heo này không phải là di sản do cụ Đ1, cụ L để lại mà là của bà N1, nên bà C có nghĩa vụ hoàn giá trị lại cho bà N1 theo định giá. Về phần nhà ở 1 và nhà vệ sinh 6 nằm trên phần đất diện tích 749,4m^2 thuộc 01 phần thửa 78, có vị trí Khu B trên Mảnh trích đo địa chính, thì bà B xác định không phải là di sản do cụ Đ1, cụ L để lại, nên không có tranh chấp phần này. Đối với yêu cầu của chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 về việc nhận kỷ phần thừa kế mà bà Lê Thị C1 được hưởng tại thửa 195, thì bà B đồng ý và đề nghị chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần chênh lệch cho các thừa kế còn lại. Trên thửa 195 có căn nhà thuộc sở hữu của bà Võ Thị C, thì bà B không có tranh chấp gì đối với căn nhà này. Về phần các cây trồng, công trình xây dựng khác trên thửa đất 78 và thửa 195, nếu ai được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật thì được sở hữu luôn các tài sản này, bà B không có tranh chấp.

Bị đơn là Võ Thị T trình bày ý kiến tại bản tường trình ngày 18/4/2025, tóm tắt như sau: Bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B, vì thửa đất 78 cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị L đã tặng cho bà T, đưa ra Tòa án huyện, tỉnh giải quyết mà cụ Đ1 mất chưa đổi lại được, hiện tại thửa đất này ai đứng tên, bà T không biết, mà giờ bà T thành bị đơn, bà B yêu cầu chia làm 06 phần, bà T không đồng ý.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 18/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị C trình bày tóm tắt như sau: Bà C đồng ý với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B. Bà C xin nhận kỷ phần thừa kế tại thửa 195, tờ bản đồ số 19, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

Tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 20/6/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị C trình bày yêu cầu khởi kiện độc lập như sau:

Bà C yêu cầu được nhận 1/6 trong khối di sản mà cụ Đ1, cụ L để lại. Bà C xin nhận đất là khoảng 199,5m^2 thuộc 01 phần thửa đất 78, có giá trị tạm tính là 200.000.000 đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/7/2025 và bản tự khai ngày 22/6/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị C nêu ý kiến đối với yêu cầu độc lập của bà Lưu Thị N1 tóm tắt như sau: Bà C không đồng ý toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Lưu Thị Nhung .

Tại phiên hòa giải ngày 21/4/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị C nêu ý kiến bổ sung như sau: Bà C yêu cầu được chia và nhận 1/6 khối di sản thừa kế do cụ Đ1, cụ L để lại, tương ứng là khoảng 199,5m^2 đất thuộc 01 phần thửa số 78, tờ bản đồ số 19, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh). Trường hợp phần diện tích đất bà C yêu cầu được nhận có giá trị lớn hơn phần giá trị của một kỷ phần, thì bà C đồng ý thối hoàn giá trị chênh lệch lại cho các đồng thừa kế khác. Về căn nhà của cụ L, cụ Đ1 để lại trên thửa đất số 78, thì quá trình quản lý, sử dụng, vợ chồng ông Thủ bà N1

đã tháo dỡ, sửa chữa lại thành căn nhà mới như hiện nay. Về yêu cầu độc lập của bà N1, thì bà C không đồng ý toàn bộ. Đối với yêu cầu độc lập của chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 thì bà C đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2026, bà Võ Thị C trình bày ý kiến thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà C như sau:

Bà Chính xác Đ2 di sản thừa kế cụ Đ1, cụ L để lại là các thửa đất 78 và 195. Về các công trình xây dựng có trên 02 thửa đất này không phải di sản thừa kế cụ Đ1, cụ L để lại. Về chia di sản thừa kế do cụ Đ1, cụ L để lại, bà Chính thống N2 với ý kiến của bà B nêu tại bản tự khai ngày 16/6/2026. Bà C yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là phần đất diện tích 307,8m^2 thuộc 01 phần thửa 78 có vị trí Khu A trên Mảnh trích đo địa chính. Bà C đồng ý hoàn trả giá trị kỷ phần chênh lệch cho các thừa kế còn lại bằng tiền. Về phần chuồng heo có trên phần đất vị trí Khu A mà bà C yêu cầu nhận, thì bà Chính xác Đ2 phần chuồng heo này không phải là di sản do cụ Đ1, cụ L để lại mà là của bà N1, nên bà C đồng ý hoàn giá trị lại cho bà N1 theo định giá. Trên phần đất 307,8m^2 thuộc 01 phần thửa 78 có vị trí Khu A trên Mảnh trích đo địa chính mà bà C yêu cầu nhận có căn nhà ở 2 và phần mái che 4 do bà C xây dựng, sở hữu nên bà C đề nghị nhận luôn phần tài sản này.

Đối với phần đất diện tích 749,4m^2 có vị trí Khu B trên Mảnh trích đo địa chính, thuộc 01 phần thửa 78, thì bà C đồng ý giao cho ông T1, bà N nhận bằng hiện vật. Do phần mái che 4 thuộc sở hữu của bà C có 01 phần diện tích khoảng 1,3m^2 lấn sang phần đất vị trí khu B này, nên bà C tự nguyện tháo dỡ phần mái che này khi giao đất mà không yêu cầu bất kỳ ai hoàn lại giá trị.

Đối với phần di sản cụ Đ1, cụ L để lại là quyền sử dụng đất tại thửa 195, bà C đồng ý với yêu cầu của chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 về việc nhận kỷ phần thừa kế mà bà Lê Thị C1 được hưởng tại thửa 195. Do trên thửa 195 có căn nhà và hàng rào, mái che thuộc sở hữu của bà Võ Thị C, thì bà C đồng ý giao cho chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng. Về phần các cây trồng, công trình xây dựng khác trên thửa đất 78, nếu ai được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật thì được sở hữu luôn các tài sản này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 (chị M, chị M1 do chị B1 đại diện theo ủy quyền) trình bày tại bản trình bày ý kiến ngày 18/4/2025, tóm tắt như sau:

Chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 đồng ý với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B. Chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 xin nhận kỷ phần thừa kế mà bà Lê Thị C1 được hưởng là quyền sử dụng đất tại thửa 78, tờ bản đồ số 19, ấp B, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

Tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 20/6/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 (chị M, chị

M1 do chị B1 đại diện theo ủy quyền) trình bày yêu cầu khởi kiện độc lập như sau:

Đối với kỷ phần mà mẹ của chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 được nhận 1/6 trong khối di sản mà cụ đủ, cụ L để lại, thì chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 xin nhận 139,9m^2 thuộc 01 phần thửa 195 và 59,6m^2 thuộc 01 phần thửa 78, có giá trị tạm tính là 200.000.000 đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 14/7/2025 và ngày 22/6/2026, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 (chị M, chị M1 do chị B1 đại diện theo ủy quyền) nêu ý kiến đối với yêu cầu độc lập của bà Lưu Thị N1 tóm tắt như sau: Chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Lưu Thị Nhung .

Tại bản tự khai ngày 12/11/2025, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 (chị M, chị M1 do chị B1 đại diện theo ủy quyền) trình bày thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện như sau: Chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 xin nhận kỷ phần là toàn bộ thửa đất 195 và đồng ý để chị B1 được đứng tên quyền sử dụng đất phần này. Đối với phần diện tích chưa đủ của kỷ phần là 58m^2 thì xin được nhận bằng giá trị là tiền.

Tại phiên hòa giải ngày 21/4/2026, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 (chị M, chị M1 do chị B1 đại diện theo ủy quyền) nêu ý kiến bổ sung như sau: Chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M1 là con của bà Lê Thị C1 và ông Tất Hiệp H1. Ông H1 chết năm 2016, bà C1 chết năm 2021. Ngoài ra, bà C1 không có con riêng, con nuôi nào khác.

Chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M1 yêu cầu được chia và nhận phần thừa kế thế vị mà bà C1 được hưởng là 1/6 trong di sản của cụ Đ1 và cụ L để lại. Yêu cầu được nhận bằng đất toàn bộ thửa 195, trong trường hợp giá trị thửa 195 ít hơn giá trị một kỷ phần thì các đồng thừa kế khác phải hoàn lại giá trị chênh lệch cho chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1.

Về căn nhà của cụ L, cụ Đ1 để lại trên thửa đất số 78, thì quá trình quản lý, sử dụng, vợ chồng ông Thủ bà N1 đã tháo dỡ, sửa chữa lại thành căn nhà mới như hiện nay. Về yêu cầu độc lập của bà N1, thì chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M1 không đồng ý toàn bộ. Đối với yêu cầu độc lập của bà C, thì chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M1 đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 16/6/2026, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 (chị M, chị M1 do chị B1 đại diện theo ủy quyền) trình bày ý kiến thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 thống nhất với ý kiến, yêu cầu của bà Võ Thị B, bà Võ Thị C đã nêu trong bản tự khai cùng ngày 16/6/2026. Chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế mà bà Lê Thị C1 được hưởng tại thửa 195. Chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 đồng ý hoàn trả giá trị kỷ phần chênh

lệch cho các thừa kế còn lại. Chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 đồng ý để bà C yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là phần đất diện tích 307,8m^2 thuộc 01 phần thửa 78 có vị trí Khu A trên Mảnh trích đo địa chính. Bà C có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần chênh lệch cho các thừa kế còn lại bằng tiền. Về phần căn nhà ở 2 và phần mái che 4 có trên phần đất vị trí Khu A trên Mảnh trích đo địa chính là thuộc sở hữu của bà C, nên không tranh chấp. Về phần chuồng heo có trên phần đất vị trí Khu A mà bà C yêu cầu nhận, thì thuộc sở hữu của bà N1, nên bà C có nghĩa vụ hoàn giá trị lại cho bà N1 theo định giá. Đối với phần đất diện tích 749,4m^2 có vị trí Khu B trên Mảnh trích đo địa chính, thuộc 01 phần thửa 78, thì chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 đồng ý giao cho ông T1, bà N nhận bằng hiện vật. Về phần nhà ở 1 và nhà vệ sinh 6 nằm trên phần đất diện tích 749,4m^2 thuộc 01 phần thửa 78, có vị trí Khu B trên Mảnh trích đo địa chính, thì chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1 xác định không phải là di sản do cụ Đ1, cụ L để lại, nên không có tranh chấp phần này. Về phần bà Võ Thị T, do bà T không có ý kiến nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, nên đề nghị chia cho bà tám nhận di sản thừa kế bằng giá trị. Về phần các cây trồng, công trình xây dựng khác trên thửa đất 78, nếu ai được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật thì được sở hữu luôn các tài sản này.

Tại bản tự khai ngày 16/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị N1 trình bày, tóm tắt như sau: Bà N1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B.

Tại đơn khởi kiện độc lập ngày 17/6/2025, bà Lưu Thị N1 nêu yêu cầu khởi kiện như sau: Bà N1 yêu cầu những người thừa kế của cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị Lê G: bà Võ Thị B, bà Võ Thị T, bà Võ Thị C, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 (trong đó chị B1, chị M, chị M1 với tư cách là người thừa kế của bà Lê Thị C1), ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N phải:

+ Thanh toán cho bà N1 tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng lúc bình thường, lúc ốm đau, bệnh tật đối với cụ Lê T3 năm 1978 đến năm 2015 (37 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 444 tháng = 2.220.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng lúc bình thường, lúc ốm đau, bệnh tật đối với cụ Đ1 từ năm 1978 đến năm 2023 (45 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 540 tháng = 2.700.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí mai táng cụ L là 100.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí mai táng cụ Đ1 là 200.000.000 đông;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng, cải tạo, gìn giữ thửa đất 78, tờ bản đồ số 19 từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 2.000.000 đồng/tháng x 564 tháng = 1.128.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng, cải tạo, phát hoang cỏ, gìn giữ thửa đất 195, tờ bản đồ số 19 từ năm 1978 đến năm 2019 (41 năm) là 2.000.000 đồng/tháng x 492 tháng = 984.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng 01 căn nhà gỗ trên thửa đất 78 là 50.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng 01 chuồng heo (hiện làm nhà kho) trên thửa đất 78 là 35.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng 01 căn nhà chữ đinh (nằm cạnh căn nhà thờ) trên thửa đất 78 là 70.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí cải tạo, sửa chữa căn nhà thờ trên thửa đất 78 là 350.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí nhang đèn, hương khói, cúng giỗ cụ Đ1, cửu huyền hàng năm từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 5.000.000 đồng/01 giỗ x 4 x 47 = 940.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí công, mua nhang đèn, hương khói hàng ngày, hàng tháng cho nhà thờ tổ tiên từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 2.000.000 đồng/01 năm = 94.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí tiền công lao động sản xuất từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 6.000.000 đồng/tháng x 564 tháng = 3.384.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí về mặt tinh thần, sức lực, sức khỏe bị ảnh hưởng qua nhiều năm gìn giữ di sản, chăm sóc nuôi dưỡng từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 564 tháng = 2.820.000.000 đồng;

+ Công nhận cho bà N1 được hưởng phần lớn hoặc toàn bộ di sản hiện tại là thửa đất số 195, thửa đất số 78 và căn nhà thờ.

Ngoài ra, bà N1 còn yêu cầu cá nhân ông Lê Văn T1 thanh toán cho bà N1 chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 1980 đến năm 2025 (45 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 540 tháng = 2.700.000.000 đồng; yêu cầu cá nhân bà Lê Thị N3 thanh toán cho bà N1 chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 1996 đến năm 2025 (29 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 348 tháng = 1.740.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 21/4/2026, anh Nguyễn Hoàng Đ đại diện theo ủy quyền của bà Lưu Thị N1 trình bày tóm tắt như sau: Ông Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện độc lập của bà N1 đã nêu tại đơn khởi kiện độc lập ngày 17/6/2025. Bên cạnh đó, bà N1 yêu cầu được nhận các khoản tiền nêu trên quy ra đất và yêu cầu được nhận toàn bộ quyền sử dụng đất thuộc thửa 78 và 195. Đối với hai căn nhà do bà C xây dựng thì bà N1 không đồng ý bồi hoàn lại giá trị do bà N1 không có nhu cầu sử dụng hai căn nhà này. Về căn nhà của cụ L, cụ Đ1 để lại trên thửa đất số 78, thì quá trình quản lý, sử dụng, vợ chồng ông Thủ bà N1 đã tháo dỡ, sửa chữa lại thành căn nhà mới như hiện nay. Bà N1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà B và yêu cầu độc lập của bà C, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1.

Tại đơn đơn thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện ngày 26/6/2026, bà Lưu Thị N1 xin thay đổi yêu cầu khởi kiện tóm tắt như sau: Bà N1 yêu cầu bà võ Thị

B, bà Võ Thị T, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M1 thanh toán cho bà N1 đầy đủ các khoản sau:

- Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng chuồng trại chăn nuôi heo, nay là nhà kho nấu rượu là: 11.829.015 đồng.

- Thanh toán cho bà N1 chi phí công xây dựng nhà mái chữ đinh kế nhà thờ, nền bê tông, cột đúc, mái tôn là: 140.264.075 đồng.

- Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng cải tạo nhà thờ bằng tường bê tông cốt thép, mái tôn là: 526.846.433 đồng.

- Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng mái che 5 là: 7.444.260 đồng.

- Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng nhà vệ sinh 6 là: 10.567.830 đồng.

- Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng công trình phụ tạm hồ nước vuông là: 4.535.700 đồng.

- Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng công trình phụ tạm hồ nước vuông là: 5.302.115 đồng.

Ngoài ra, bà N1 đề nghị Tòa án xem xét công nhận công sức trực tiếp quản lý, gìn giữ, bảo quản, duy trì tài sản làm tăng giá trị thửa đất 78 và 195 cũng như công lao chăm sóc người để lại di sản, để chia cho bà N1 nhận 01 phần đất có công trình xây dựng là nhà thờ nhằm cấn trừ công sức bà N1 đã bỏ ra.

Tại phiên hòa giải ngày 21/4/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị Thùy T2 trình bày:

Chị T2 thống nhất với phần trình bày của anh Đ và không có bổ sung gì thêm. Trong vụ án này, chị T2 không có yêu cầu khởi kiện cho cá nhân chị T2, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của bà N1.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T1 trình bày tóm tắt như sau: Ông Thủ xác N4 di sản thừa kế do cụ Đ1, cụ L để lại là thửa đất 195 và thửa đất 78, tờ bản đồ số 19. Ông T1 đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật và không có tranh chấp gì đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Võ Thị B, bà Võ Thị C, bà Lê Thị N, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1. Ông T1 xin nhận kỷ phần thừa kế tại 01 phần thửa đất 78 có vị trí B trên Mảnh trích đo địa chính có căn nhà ở số A, vì nơi đây là đất nhà thờ, ông T1 đã ở và gìn giữ, thờ cúng lâu năm. Do hiện nay ông Thủ T4 đã cao, bệnh tật, không còn khả năng lao động, mất khả năng kinh tế, việc thanh toán phần chênh lệch cho các đồng thừa kế theo pháp luật để bảo đảm quyền lợi cho các bên thì ông T1 nhận thức được, nhưng với hoàn cảnh hiện tại thì ông T1 không có khả năng thanh toán.

Tại bản tự khai ngày 26/6/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị N trình bày tóm tắt như sau: Bà N xác nhận di sản thừa kế do cụ Đ1, cụ L để lại là thửa đất 195 và thửa đất 78, tờ bản đồ số 19. Bà N đồng ý chia di

sản thừa kế theo pháp luật và không có tranh chấp gì đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Võ Thị B, bà Võ Thị C, ông Lê Văn T1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu B1 và chị Tất Thiếu M1. Bà N xin nhận kỷ phần thừa kế tại 01 phần thửa đất 78 có vị trí B trên Mảnh trích đo địa chính có căn nhà ở số A, vì nơi đây là đất nhà thờ, bà ngang cần 01 nơi ở và sinh sống. Do hiện nay bà N tuổi đã cao, bệnh tật, không còn khả năng lao động, mất khả năng kinh tế, vì vậy, việc thanh toán phần chênh lệch cho các đồng thừa kế theo pháp luật là không có khả năng.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày ý kiến bổ sung như sau:

- Bà Nguyễn Thị Lệ H là đại diện theo ủy quyền của bà B đã thay đổi yêu cầu khởi kiện là: Bà B xin nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị và yêu cầu những người thừa kế nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần cho bà B, tương ứng thành tiền là 288.162.333 đồng. Bà B đồng ý để cho ông T1 và bà N nhận chung kỷ phần thừa kế tại 01 phần thửa đất 78 có vị trí Khu B trên Mảnh trích đo địa chính. Bà B đồng ý đối với yêu cầu nhận thừa kế của bà C, yêu cầu nhận thừa kế của chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1.

- Bà Võ Thị C thay đổi yêu cầu khởi kiện là: Bà C xin nhận kỷ phần thừa kế bằng quyền sử dụng đất là phần đất diện tích 307,8m^2, thuộc 01 phần thửa 78, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí khu A trên Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ4, giá trị tương ứng thành tiền là: 405.064.800 đồng, vượt giá trị kỷ phần mà bà C được nhận là: 116.902.467 đồng, bà C sẽ hoàn trả lại cho những thừa kế còn lại số tiền vượt 116.902.467 đồng này. Ngoài ra, bà C cũng đồng ý hoàn lại cho vợ chồng bà N1, ông T1 giá trị phần chuồng heo thuộc sở hữu của vợ chồng bà N1, ông T1 trên phần đất khu A này là: 11.829.015 đồng, đồng ý để cho ông T1 và bà N nhận chung kỷ phần thừa kế tại 01 phần thửa đất 78 có vị trí Khu B trên Mảnh trích đo địa chính. Bà C cũng có ý kiến đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc tặng cho phần căn nhà và công trình xây dựng trên thửa đất 195 (thuộc sở hữu của bà C) cho chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 đồng sở hữu. Bà Võ Thị Chính xác Đ2 bà C đang quản lý bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 610835 (số vào sổ cấp GCN: CH 02754) do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 27/3/2014 cho cụ Lê Văn Đ1 đối với thửa 195, bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 342949 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 11/3/2014 cho cụ Lê Văn Đ1 đối với thửa 78.

- Chị Tất Thiếu B1 đã thay đổi yêu cầu khởi kiện là: Chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 yêu cầu được chia và nhận chung kỷ phần mà bà C1 được chia trong khối di sản thừa kế do cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị Lê Đ3 lại là phần đất diện tích 139,2m^2, thuộc thửa 195, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 315-2025 ngày 30/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ4, giá trị tương ứng thành tiền là: 337.699.200 đồng, vượt giá trị kỷ phần mà bà C1 được nhận là: 49.536.867 đồng. Chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 sẽ hoàn trả lại cho

những thừa kế còn lại số tiền vượt 49.536.867 đồng này. Ngoài ra, phần căn nhà và công trình xây dựng trên thửa đất 195 thuộc sở hữu của bà C cũng đã được bà Chính thống N2 tặng cho chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 đồng sở hữu, nên đề nghị Tòa án ghi nhận phần thỏa thuận này. Chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 đồng ý để cho ông T1 và bà N nhận chung kỷ phần thừa kế tại 01 phần thửa đất 78 có vị trí Khu B trên Mảnh trích đo địa chính. Chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 đồng ý đối với yêu cầu nhận thừa kế của bà C.

- Anh Nguyễn Hoàng Đ là đại diện theo ủy quyền của bà N1 đã rút lại 16 yêu cầu khởi kiện của bà N1, chỉ còn giữ lại 01 yêu cầu khởi kiện là: Bà N1 yêu cầu thanh toán cho bà N1, ông T1 chi phí xây dựng 01 chuồng heo trên thửa đất 78, nhưng xác định giá trị yêu cầu là 11.829.015 đồng. Anh Đ cũng thống nhất phần chuồng heo này là sở hữu chung của ông T1, bà N1 và đồng ý việc bà C sẽ hoàn trả cho ông T1, bà N1 giá trị chuồng heo là 11.829.015 đồng.

- Chị Lê Thị Thùy T2 với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định không có tranh chấp gì trong vụ án này. Chị T2 chỉ là người đang sinh sống cùng cha mẹ là ông T1, bà N1 tại căn nhà trên phần đất Khu B thuộc 01 phần thửa 78 và đồng ý theo quyết định giải quyết của Tòa án.

- Anh Nguyễn Hoàng Đ với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định không có tranh chấp gì trong vụ án này. Anh Đ chỉ là người đang sinh sống cùng vợ là chị T2, cha mẹ vợ là ông T1, bà N1 tại căn nhà trên phần đất Khu B thuộc 01 phần thửa 78 và đồng ý theo quyết định giải quyết của Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh phát biểu ý kiến như sau:

- Về Tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng thì các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định.

Bị đơn là bà Võ Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Lê Văn T1, Lê Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà B, bà C, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1, bà Lưu Thị N1 có thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút lại một phần yêu cầu khởi kiện. Căn cứ quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận việc thay đổi này và đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện mà đương sự đã rút.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự có căn cứ xác định thửa đất 195 và thửa 78 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ

Thị Lê .1 Cụ Võ Thị Lê chết ngày 26/02/2015 (theo Trích lục khai tử số 562/TLKT-BS ngày 04/10/2019 của UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Long An), không có để lại di chúc, nên di sản thừa kế do cụ L để lại được xác định là ½ trong khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ Đ1, cụ L có tổng giá trị là 1.728.974.000 đồng. Những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L được xác định gồm có 07 người là: cụ Đ1, ông T1, bà N, bà B, bà T, bà C, bà C1, mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế là 1/7 trong ½ tổng giá trị quyền sử dụng đất tại thửa 195 và thửa 78. Cụ Đ1 chết ngày 24/5/2023 *(theo Trích lục khai tử số 45/TLKT-BS ngày 12/6/2023 của UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Long An)* không có để lại di chúc, nên di sản thừa kế do cụ Đ1 để lại được xác định là ½ trong khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ Đ1, cụ L với kỷ phần mà cụ Đ1 được hưởng thừa kế từ cụ L, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ1 được xác định gồm có 06 người là: ông T1, bà N, bà B, bà T, bà C, bà C1 *(do bà C1 chết ngày 11/8/2021 theo Trích lục khai tử số 510/TLKT-BS ngày 29/11/2021 của U, quận H, TP . là chết trước cụ Đ1 nên các con bà C1 là Tất Thiếu B1, T Mỹ, T M được thừa kế thế vị phần này)*. Như vậy, đối với di sản thừa kế do cụ Đ1, cụ L để lại, được chia theo pháp luật cho 06 người con của cụ Đ1, cụ L, mỗi người thừa kế sẽ được hưởng kỷ phần thừa kế tương ứng thành tiền là 288.162.333 đồng.

Trong vụ việc phân chia di sản thừa kế này, chỉ có bà Võ Thị T là không đồng ý yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với thửa 78, còn các bên đương sự còn lại đều thống nhất việc chia di sản thừa kế. Thực tế hiện nay ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N đang cùng trực tiếp quản lý, sử dụng và sinh sống trên căn nhà nằm trên phần đất diện tích 749,4m^2, thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí Khu B thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ4 (trong căn nhà này còn có vợ ông T1 là bà Lưu Thị N1, con gái ông T1 là chị Lê Thị Thùy T2, chồng chị T2 là anh Nguyễn Hoàng Đ cùng sinh sống trên đó, trên phần đất này còn có một số công trình xây dựng khác thuộc sở hữu chung của vợ chồng ông T1, bà N1). Ông T1, bà N cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến là muốn cùng nhận chung kỷ phần thừa kế tại phần đất có vị trí Khu B này, ngoài bà T thì không có ai phản đối, nên cần chia cho ông T1, bà N nhận chung kỷ phần thừa kế là phần đất diện tích 749,4m^2, thuộc 01 phần thửa 78 có vị trí Khu B này, ông T1, bà N có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần chênh lệch cho các thừa kế còn lại. Phần đất còn lại của thửa 78 có diện tích 307,8m^2, có vị trí Khu A trên Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ4 có căn nhà và công trình xây dựng khác thuộc sở hữu của bà C và bà C cũng có yêu cầu được chia và nhận kỷ phần thừa kế tại phần đất vị trí Khu A này, ngoài bà T thì không có ai phản đối, nên cần chia cho bà C nhận kỷ phần thừa kế là phần đất diện tích 307,8m^2, thuộc 01 phần thửa 78 có vị trí Khu B này, bà C có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần chênh lệch cho các thừa kế còn lại. Đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa 195, phía chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1, chị Tất Thiếu B1 có yêu cầu nhận toàn bộ diện tích 139,2m^2 đất, thuộc thửa 195, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí thể hiện theo Mảnh trích đo địa

chính số 315-2025 ngày 30/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ4, không có ai phản đối, nên cần chia cho chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1, chị Tất Thiếu B1 chung kỷ phần mà bà C1 được hưởng là diện tích 139,2m^2 đất, thuộc thửa 195, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1, chị Tất Thiếu B1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả giá trị kỷ phần chênh lệch cho các thừa kế còn lại. Bà Võ Thị B, bà Võ Thị T không có yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, nên được chia và nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền.

Về phần chuồng heo 03 nằm trên phần đất diện tích 307,8m^2, thuộc 01 phần thửa 78, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí khu A trên Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực T, mà bà Lưu Thị N1 có yêu cầu bồi hoàn giá trị là 11.829.015 đồng. Thấy rằng, phần chuồng heo này là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông T1, bà N. Do bà Võ Thị C được chia và nhận phần đất có chuồng heo này, đề nghị giao cho bà C được sở hữu luôn phần chuồng heo 03 này, buộc bà C hoàn lại cho vợ chồng ông Lê Văn T1, bà Lưu Thị N1 số tiền giá trị chuồng heo 03 là: 11.829.015 đồng.

Đối với phần mái che 4 có 01 phần với diện tích là 1,3m^2 thuộc sở hữu của bà Võ Thị C nằm trên phần đất khu B được chia chung cho ông T1, bà N, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà C thể hiện ý kiến là sẽ tự tháo dỡ, di dời phần mái che có diện tích 1,3m^2 này và không yêu cầu đương sự nào hoàn giá trị, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện này của bà C.

Đối với phần công trình xây dựng là căn nhà, hàng rào có trên thửa đất 195, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh. Tại phiên tòa, bà C với chị B1 thống nhất thỏa thuận là bà C tự nguyện tặng cho chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng gồm căn nhà, hàng rào có trên thửa đất 195, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh và đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung này trong bản án. Xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận này của bà C với chị B1 là tự nguyện, không trái luật, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của bà Võ Thị C và chị Tất Thiếu B1 trong bản án.

Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Qua hòa giải, các bên không thỏa thuận được với nhau, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Bị đơn là bà Võ Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Lê Văn T1, Lê Thị N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định

tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn là bà Võ Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản do cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị Lê C2 để lại gồm: 1.197,1m^2 đất thuộc thửa đất số 78 và thửa đất số 195, cùng tờ bản đồ số 19, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, thành 06 kỷ phần cho 06 người thừa kế của cụ Đ1, cụ L và bà B xin nhận bằng hiện vật là phần đất diện tích khoảng 199,5m^2 thuộc 01 phần thửa 78. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà H là đại diện theo ủy quyền của bà B đã thay đổi yêu cầu khởi kiện là bà B xin nhận kỷ phần thừa kế bằng giá trị và yêu cầu những người thừa kế nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần cho bà B, tương ứng thành tiền là 288.162.333 đồng. Xét thấy việc thay đổi phần yêu cầu khởi kiện này của bà B là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của bà B.

[1.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Võ Thị C trước đây có đơn yêu cầu được chia và nhận 1/6 khối di sản thừa kế do cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị Lê Đ3 lại, tương ứng là khoảng 199,5m^2 đất thuộc 01 phần thửa số 78. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện là bà C xin nhận kỷ phần thừa kế bằng quyền sử dụng đất là phần đất diện tích 307,8m^2, thuộc 01 phần thửa 78, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí khu A trên Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ4, giá trị tương ứng thành tiền là: 405.064.800 đồng, vượt giá trị kỷ phần mà bà C được nhận là: 116.902.467 đồng, bà C sẽ hoàn trả lại cho những thừa kế còn lại số tiền vượt 116.902.467 đồng này. Ngoài ra, bà C cũng đồng ý hoàn lại cho vợ chồng bà N1, ông T1 giá trị phần chuồng heo thuộc sở hữu của vợ chồng bà N1, ông T1 trên phần đất khu A này là: 11.829.015 đồng. Bà C cũng có ý kiến đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà C về việc tặng cho phần căn nhà và công trình xây dựng trên thửa đất 195 (thuộc sở hữu của bà C) cho chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 đồng sở hữu. Xét thấy việc thay đổi phần yêu cầu khởi kiện này của bà C là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của bà C.

[1.5] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là: chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 (chị M, chị M1 cùng ủy quyền cho chị B1), trước đây yêu cầu được chia và nhận chung kỷ phần mà bà C1 được chia là 1/6 khối di sản thừa kế do cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị Lê Đ3 lại, tương ứng là khoảng 199,5m^2 đất, trong đó có 139,9m^2 thuộc 01 phần thửa số 195 và 59,6m^2 thuộc 01 phần thửa 78. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị B1 đã thay đổi yêu cầu khởi kiện là chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 yêu cầu được chia và nhận chung kỷ phần mà bà C1 được chia trong khối di sản thừa kế do cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị Lê Đ3 lại là phần đất diện

tích 139,2m^2, thuộc thửa 195, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 315-2025 ngày 30/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ4, giá trị tương ứng thành tiền là: 337.699.200 đồng, vượt giá trị kỷ phần mà bà C1 được nhận là: 49.536.867 đồng, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 sẽ hoàn trả lại cho những thừa kế còn lại số tiền vượt 49.536.867 đồng này. Ngoài ra, phần căn nhà và công trình xây dựng trên thửa đất 195 thuộc sở hữu của bà C cũng đã được bà Chính thống N2 tặng cho chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 đồng sở hữu, nên đề nghị Tòa án ghi nhận phần thỏa thuận này. Xét thấy việc thay đổi phần yêu cầu khởi kiện này của chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên căn cứ quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của bà C.

[1.6] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Lưu Thị N1 trước đây có tổng cộng 17 yêu cầu gồm:

- Yêu cầu những người thừa kế của cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị Lê G: bà Võ Thị B, bà Võ Thị T, bà Võ Thị C, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 (trong đó chị B1, chị M, chị M1 với tư cách là người thừa kế của bà Lê Thị C1), ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N phải:

+ Thanh toán cho bà N1 tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng lúc bình thường, lúc ốm đau, bệnh tật đối với cụ Lê T3 năm 1978 đến năm 2015 (37 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 444 tháng = 2.220.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng lúc bình thường, lúc ốm đau, bệnh tật đối với cụ Đ1 từ năm 1978 đến năm 2023 (45 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 540 tháng = 2.220.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí mai táng cụ L là 100.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí mai táng cụ Đ1 là 200.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng, cải tạo, gìn giữ thửa đất 78, tờ bản đồ số 19 từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 2.000.000 đồng/tháng x 564 tháng = 1.128.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng, cải tạo, phát hoang cỏ, gìn giữ thửa đất 195, tờ bản đồ số 19 từ năm 1978 đến năm 2019 (41 năm) là 2.000.000 đồng/tháng x 492 tháng = 984.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng 01 căn nhà gỗ trên thửa đất 78 là 50.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng 01 chuồng heo (hiện làm nhà kho) trên thửa đất 78 là 35.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng 01 căn nhà chữ đinh (nằm cạnh căn nhà thờ) trên thửa đất 78 là 70.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí cải tạo, sửa chữa căn nhà thờ trên thửa đất 78 là 350.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí nhang đèn, hương khói, cúng giỗ cụ Đ1, cửu huyền hàng năm từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 5.000.000 đồng/01 giỗ x 4 x 47 = 940.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí công, mua nhang đèn, hương khói hàng ngày, hàng tháng cho nhà thờ tổ tiên từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 2.000.000 đồng/01 năm = 94.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí tiền công lao động sản xuất từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 6.000.000 đồng/tháng x 564 tháng = 3.384.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí về mặt tinh thần, sức lực, sức khỏe bị ảnh hưởng qua nhiều năm gìn giữ di sản, chăm sóc nuôi dưỡng từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 564 tháng = 2.820.000.000 đồng;

+ Công nhận cho bà N1 được hưởng phần lớn hoặc toàn bộ di sản hiện tại là thửa đất số 195, thửa đất số 78 và căn nhà thờ;

- Yêu cầu cá nhân ông Lê Văn T1 thanh toán cho bà N1 chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 1980 đến năm 2025 (45 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 540 tháng = 2.700.000.000 đồng;

- Yêu cầu cá nhân bà Lê Thị N thanh toán cho bà N1 chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 1996 đến năm 2025 (29 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 348 tháng = 1.740.000.000 đồng.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Nguyễn Hoàng Đ là đại diện theo ủy quyền của bà N1 đã rút lại 16 yêu cầu, chỉ còn giữ lại 01 yêu cầu là thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng 01 chuồng heo trên thửa đất 78, nhưng xác định giá trị yêu cầu là 11.829.015 đồng. Anh Đ cũng thống nhất phần chuồng heo này là sở hữu chung của ông T1, bà N1 và đồng ý việc bà C sẽ hoàn trả cho ông T1, bà N giá trị chuồng heo là 11.829.015 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện này của bà N1 và đình chỉ xét xử đối với phần 16 yêu cầu khởi kiện mà bà N1 đã rút.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về xác định di sản thừa kế và hàng thừa kế của cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị L: Căn cứ nội dung bản án dân sự phúc thẩm số 452/2020/DS-PT ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 610835 (số vào sổ cấp GCN: CH 02754) do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 27/3/2014 cho cụ Lê Văn Đ1 đối với thửa 195, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 342949 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 11/3/2014 cho cụ Lê Văn Đ1 đối với thửa 78 (trước đây là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 686918 do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 10/9/2007 cho cụ Lê Văn Đ1 đối với

thửa 104), Hội đồng xét xử xác định thửa đất 195 và thửa 78 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị L, có tổng giá trị theo định giá là 1.728.974.000 đồng. Cụ Đ1, cụ L có 06 người con chung gồm: Lê Văn T1, Lê Thị N, Võ Thị B, Võ Thị T, Võ Thị C và Lê Thị C1 (chồng bà C1 là Tất Hiệp H1 chết năm 2016). Cụ Võ Thị Lê chết ngày 26/02/2015 (theo Trích lục khai tử số 562/TLKT-BS ngày 04/10/2019 của UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Long An), không có để lại di chúc, nên di sản thừa kế do cụ L để lại được xác định là ½ trong khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ Đ1, cụ L tương ứng giá trị thành tiền là 864.487.000 đồng, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L được xác định gồm có 07 người là: cụ Đ1, ông T1, bà N, bà B, bà T, bà C, bà C1, mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế là 1/7 trong ½ tổng giá trị quyền sử dụng đất tại thửa 195 và thửa 78, tương ứng giá trị mỗi kỷ phần thừa kế cụ L để lại là 123.498.143 đồng (đã làm tròn số). Cụ Đ1 chết ngày 24/5/2023 (theo Trích lục khai tử số 45/TLKT-BS ngày 12/6/2023 của UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Long An) không có để lại di chúc, nên di sản thừa kế do cụ Đ1 để lại được xác định là ½ trong khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của cụ Đ1, cụ L tương ứng giá trị thành tiền là 864.487.000 đồng cộng với giá trị 01 kỷ phần thừa kế 123.498.143 đồng mà cụ Đ1 được hưởng thừa kế từ cụ L, tổng cộng là 987.985.143 đồng, những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đ1 được xác định gồm có 06 người là: ông T1, bà N, bà B, bà T, bà C, bà C1 (do bà C1 chết ngày 11/8/2021 theo Trích lục khai tử số 510/TLKT-BS ngày 29/11/2021 của U, quận H, TP . là chết trước cụ Đ1 nên các con bà C1 là Tất Thiếu B1, T Mỹ, T M được thừa kế thế vị phần này) mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế tương ứng thành tiền là 164.664.190 đồng. Như vậy, đối với di sản thừa kế do cụ Đ1, cụ L để lại, được chia theo pháp luật cho 06 người con của cụ Đ1, cụ L, mỗi người thừa kế sẽ được hưởng kỷ phần thừa kế tương ứng thành tiền là 288.162.333 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu chia và nhận di sản thừa kế do cụ Đ1, cụ L để lại là quyền sử dụng đất tại thửa 195 và thửa 78 của bà B, bà C, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1, chị Tất Thiếu B1 cũng như ý kiến của bà Võ Thị T, ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N về việc phân chia di sản thừa kế, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ việc phân chia di sản thừa kế này, chỉ có bà Võ Thị T là không đồng ý yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với thửa 78, còn các bên đương sự còn lại đều thống nhất việc chia di sản thừa kế. Thực tế hiện nay ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N đang cùng trực tiếp quản lý, sử dụng và sinh sống trên căn nhà nằm trên phần đất diện tích 749,4m^2, thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí Khu B thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ4 (trong căn nhà này còn có vợ ông T1 là bà Lưu Thị N1, con gái ông T1 là chị Lê Thị Thùy T2, chồng chị T2 là anh Nguyễn Hoàng Đ cùng sinh sống trên đó, trên phần đất này còn có một số công trình xây dựng khác thuộc sở hữu chung của vợ chồng ông T1, bà N1). Ông T1, bà N cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến là muốn cùng nhận chung kỷ phần thừa kế tại phần đất có vị trí Khu B này, ngoài bà T thì không có ai phản đối, nên cần chia cho ông T1, bà N nhận chung kỷ phần thừa kế là phần đất diện tích

749,4m^2, thuộc 01 phần thửa 78 có vị trí Khu B này, ông T1, bà N có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần chênh lệch cho các thừa kế còn lại. Phần đất còn lại của thửa 78 có diện tích 307,8m^2, có vị trí Khu A trên Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ4 có căn nhà và công trình xây dựng khác thuộc sở hữu của bà C và bà C cũng có yêu cầu được chia và nhận kỷ phần thừa kế tại phần đất vị trí Khu A này, ngoài bà T thì không có ai phản đối, nên cần chia cho bà C nhận kỷ phần thừa kế là phần đất diện tích 307,8m^2, thuộc 01 phần thửa 78 có vị trí Khu B này, bà C có nghĩa vụ hoàn trả giá trị kỷ phần chênh lệch cho các thừa kế còn lại. Đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thửa 195, phía chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1, chị Tất Thiếu B1 có yêu cầu nhận toàn bộ diện tích 139,2m^2 đất, thuộc thửa 195, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 315-2025 ngày 30/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ4, không có ai phản đối, nên cần chia cho chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1, chị Tất Thiếu B1 chung kỷ phần mà bà C1 được hưởng là diện tích 139,2m^2 đất, thuộc thửa 195, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1, chị Tất Thiếu B1 có nghĩa vụ liên đới hoàn trả giá trị kỷ phần chênh lệch cho các thừa kế còn lại. Bà Võ Thị B, bà Võ Thị T không có yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật, nên được chia và nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền.

[2.3] Di sản thừa kế do cụ Đ1, cụ L để lại là quyền sử dụng đất tại thửa 195 và thửa 78 được phân chia cụ thể cho các thừa kế theo pháp luật như sau:

[2.3.1] Bà Võ Thị B được chia và nhận 01 kỷ phần bằng tiền là: 288.162.333 đồng;

[2.3.2]. Bà Võ Thị T được chia và nhận 01 kỷ phần bằng tiền là: 288.162.333 đồng;

[2.3.3]. Bà Võ Thị C được chia và nhận 01 kỷ phần bằng hiện vật là: Phần đất diện tích 307,8m^2, thuộc 01 phần thửa 78, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí khu A trên Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ4, giá trị tương ứng thành tiền là: 405.064.800 đồng. Bà Võ Thị C có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị T số tiền: 116.902.467 đồng.

[2.3.4] Chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 cùng được chia và nhận 01 kỷ phần (mà bà C1 được hưởng) bằng hiện vật là: Phần đất diện tích 139,2m^2, thuộc thửa 195, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 315-2025 ngày 30/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ4, giá trị tương ứng thành tiền là: 337.699.200 đồng. Chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn lại cho bà Võ Thị T số tiền: 49.536.867 đồng.

[2.3.5] Ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N cùng được chia và nhận chung 02 kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là: Phần đất diện tích 749,4m^2, thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí Khu B thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ4, giá trị

tương ứng thành tiền là: 986.210.400 đồng, trong đó giá trị kỷ phần thực tế ông T1, bà N nhận tương ứng thành tiền là 493.105.200 đồng. Ông Lê Văn T1 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị B số tiền 204.942.867 đồng. Bà Lê Thị N có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị B số tiền 83.219.466 đồng và hoàn lại cho bà Võ Thị T số tiền 121.722.999 đồng.

[2.4] Đối với phần chuồng heo 03 nằm trên phần đất diện tích 307,8m^2, thuộc 01 phần thửa 78, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí khu A trên Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực T, mà bà Lưu Thị N1 có yêu cầu bồi hoàn giá trị là 11.829.015 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, phần chuồng heo này là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông T1, bà N. Do, bà Võ Thị C được chia và nhận phần đất diện tích 307,8m^2, thuộc 01 phần thửa 78, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí khu A trên Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực T, nên cần giao cho bà C được sở hữu luôn phần chuồng heo 03 này. Bà C có nghĩa vụ hoàn lại cho vợ chồng ông Lê Văn T1, bà Lưu Thị N1 số tiền giá trị chuồng heo 03 là: 11.829.015 đồng, là phù hợp.

[2.5] Đối với phần mái che 4 có 01 phần với diện tích là 1,3m^2 thuộc sở hữu của bà Võ Thị C nằm trên phần đất khu B được chia chung cho ông T1, bà N, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà C thể hiện ý kiến là sẽ tự tháo dỡ, di dời phần mái che có diện tích 1,3m^2 này và không yêu cầu đương sự nào hoàn giá trị, nên ghi nhận sự tự nguyện này của bà C.

[2.6] Đối với phần công trình xây dựng là căn nhà, hàng rào có trên thửa đất 195, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án không có đương sự nào tranh chấp về quyền sở hữu đối với phần tài sản này mà thống nhất thuộc quyền sở hữu của bà Võ Thị C. Tại phiên tòa, bà C với chị B1 thống nhất thỏa thuận là bà C tự nguyện tặng cho chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng gồm căn nhà, hàng rào có trên thửa đất 195, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh và đề nghị Tòa án ghi nhận nội dung này trong bản án. Xét thấy, sự tự nguyện thỏa thuận này của bà C với chị B1 là tự nguyện, không trái luật, nên cần ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của bà C và chị B1 trong bản án.

[2.7] Về đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản đối với di sản thừa kế được chia và nhận:

[2.7.1] Bà Võ Thị C được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần tài sản được chia và nhận nêu trên theo quy định của pháp luật. Bà Võ Thị C có nghĩa vụ nộp lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 610835 (số vào sổ cấp GCN: CH 02754) do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 27/3/2014 cho cụ Lê Văn Đ1 đối với thửa 195, bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số DC 342949 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 11/3/2014 cho cụ Lê Văn Đ1 đối với thửa 78, khi Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, để thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

[2.7.2] Chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần tài sản được chia chung và nhận chung nêu trên theo quy định của pháp luật.

[2.7.3] Ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần tài sản được chia chung và nhận chung nêu trên theo quy định của pháp luật.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng là 17.724.200 đồng: bà Võ Thị B, bà Võ Thị T, bà Võ Thị C, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 (trong đó chị B1, chị M, chị M1 với tư cách là người thừa kế của bà Lê Thị C1), ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N, mỗi người thừa kế phải chịu 1/6 là 2.954.033 đồng, do bà B đã tạm nộp toàn bộ, nên những người còn lại có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà B.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì các đương sự trong vụ án phải chịu án phí như sau: Miễn toàn bộ án phí cho ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N, bà Võ Thị B, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 (trong đó chị B1, chị M, chị M1 với tư cách là người thừa kế của bà Lê Thị C1) do những người này là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp miễn án phí. Bà Võ Thị T, bà Võ Thị C mỗi người phải chịu án phí có giá ngạch là 14.408.117 đồng tính trên giá trị kỷ phần 288.162.333 đồng được chia. Các đương sự còn lại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 131, Điều 133, Điều 135, Điều 136, Điều 137 Luật Đất đai năm 2024; Điều 6, Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị B; bà Võ Thị C; chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1, chị Tất Thiếu B1 về việc chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị Lê .1 Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Lưu Thị N1 về yêu cầu bồi hoàn giá trị tài sản.

1.1. Xác định di sản thừa kế cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị Lê Đ3 lại là: Quyền sử dụng đất tại thửa 78 (diện tích 1.057,2m^2) và thửa 195 (diện tích 139,2m^2), cùng tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có tổng giá trị là 1.728.974.000 đồng.

1.2. Di sản thừa kế cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị Lê Đ3 lại được chia theo pháp luật, cụ thể như sau:

1.2.1. Bà Võ Thị B được chia và nhận 01 kỷ phần bằng tiền là: 288.162.333 đồng;

1.2.2. Bà Võ Thị T được chia và nhận 01 kỷ phần bằng tiền là: 288.162.333 đồng;

1.2.3. Bà Võ Thị C được chia và nhận 01 kỷ phần bằng hiện vật là: Phần đất diện tích 307,8m^2, thuộc 01 phần thửa 78, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí khu A trên Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ4, giá trị tương ứng thành tiền là: 405.064.800 đồng.

1.2.4. Bà Võ Thị C có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị T số tiền: 116.902.467 đồng.

1.2.5. Chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 cùng được chia và nhận 01 kỷ phần (mà bà C1 được hưởng) bằng hiện vật là: Phần đất diện tích 139,2m^2, thuộc thửa 195, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 315-2025 ngày 30/10/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ4, giá trị tương ứng thành tiền là: 337.699.200 đồng.

1.2.6. Chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn lại cho bà Võ Thị T số tiền: 49.536.867 đồng.

1.2.7. Ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N cùng được chia và nhận chung 02 kỷ phần thừa kế bằng hiện vật là: Phần đất diện tích 749,4m^2, thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh, có vị trí Khu B thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ4, giá trị tương ứng thành tiền là: 986.210.400 đồng, trong đó giá trị kỷ phần thực tế ông T1, bà N nhận tương ứng thành tiền là 493.105.200 đồng.

1.2.8. Ông Lê Văn T1 có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị B số tiền 204.942.867 đồng.

1.2.9. Bà Lê Thị N có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Võ Thị B số tiền 83.219.466 đồng và hoàn lại cho bà Võ Thị T số tiền 121.722.999 đồng.

1.3. Bà Võ Thị C được quyền sở hữu phần chuồng heo 03 nằm trên phần đất diện tích 307,8m^2, thuộc 01 phần thửa 78, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh

Tây Ninh, có vị trí khu A trên Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ4 mà bà C được chia và nhận. Bà C có nghĩa vụ hoàn lại cho vợ chồng ông Lê Văn T1, bà Lưu Thị N1 số tiền giá trị chuồng heo 03 là: 11.829.015 đồng.

1.4. Buộc bà Võ Thị C phải tháo dỡ, di dời phần mái che 4 có diện tích 1,3m^2 nằm trên phần đất có vị trí Khu B thể hiện theo Mảnh trích đo địa chính số 35-2026 ngày 13/01/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ4 đã được chia chung cho ông T1, bà N, để giao lại phần đất này cho ông T1, bà N.

1.5. Bà Võ Thị C được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần tài sản được chia và nhận nêu trên theo quy định của pháp luật.

1.6. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Võ Thị C và chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 về việc bà C tặng cho chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 quyền sở hữu toàn bộ công trình xây dựng gồm căn nhà, hàng rào có trên thửa đất 195, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh. Chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 được quyền sở hữu chung đối với căn nhà, hàng rào có trên thửa đất 195, tờ bản đồ số 44, ấp B, xã V, tỉnh Tây Ninh.

1.7. Chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần tài sản được chia chung và nhận chung nêu trên theo quy định của pháp luật.

1.8. Ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N được quyền liên hệ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để kê khai, đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần tài sản được chia chung và nhận chung nêu trên theo quy định của pháp luật.

1.9. Bà Võ Thị C có nghĩa vụ nộp lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 610835 (số vào sổ cấp GCN: CH 02754) do UBND huyện T, tỉnh Long An cấp ngày 27/3/2014 cho cụ Lê Văn Đ1 đối với thửa 195, bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 342949 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 11/3/2014 cho cụ Lê Văn Đ1 đối với thửa 78, khi Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, để thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật. Trường hợp không thực hiện được việc thu lại bản chính các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, thì Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục thu hồi, hủy bỏ, theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện sau đây của bà Lưu Thị Nhung :

2.1. Yêu cầu những người thừa kế của cụ Lê Văn Đ1, cụ Võ Thị Lê G: bà Võ Thị B, bà Võ Thị T, bà Võ Thị C, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 (trong đó chị B1, chị M, chị M1 với tư cách là người thừa kế của bà Lê Thị C1), ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N phải:

+ Thanh toán cho bà N1 tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng lúc bình thường, lúc ốm đau, bệnh tật đối với cụ Lê T3 năm 1978 đến năm 2015 (37 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 444 tháng = 2.220.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng lúc bình thường, lúc ốm đau, bệnh tật đối với cụ Đ1 từ năm 1978 đến năm 2023 (45 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 540 tháng = 2.220.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí mai táng cụ L là 100.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí mai táng cụ Đ1 là 200.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng, cải tạo, gìn giữ thửa đất 78, tờ bản đồ số 19 từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 2.000.000 đồng/tháng x 564 tháng = 1.128.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng, cải tạo, phát hoang cỏ, gìn giữ thửa đất 195, tờ bản đồ số 19 từ năm 1978 đến năm 2019 (41 năm) là 2.000.000 đồng/tháng x 492 tháng = 984.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng 01 căn nhà gỗ trên thửa đất 78 là 50.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng 01 chuồng heo (hiện làm nhà kho) trên thửa đất 78 là 35.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí xây dựng 01 căn nhà chữ đinh (nằm cạnh căn nhà thờ) trên thửa đất 78 là 70.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí cải tạo, sửa chữa căn nhà thờ trên thửa đất 78 là 350.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí nhang đèn, hương khói, cúng giỗ cụ Đ1, cửu huyền hàng năm từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 5.000.000 đồng/01 giỗ x 4 x 47 = 940.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí công, mua nhang đèn, hương khói hàng ngày, hàng tháng cho nhà thờ tổ tiên từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 2.000.000 đồng/01 năm = 94.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí tiền công lao động sản xuất từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 6.000.000 đồng/tháng x 564 tháng = 3.384.000.000 đồng;

+ Thanh toán cho bà N1 chi phí về mặt tinh thần, sức lực, sức khỏe bị ảnh hưởng qua nhiều năm gìn giữ di sản, chăm sóc nuôi dưỡng từ năm 1978 đến năm 2025 (47 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 564 tháng = 2.820.000.000 đồng;

+ Công nhận cho bà N1 được hưởng phần lớn hoặc toàn bộ di sản hiện tại là thửa đất số 195, thửa đất số 78 và căn nhà thờ;

2.2. Yêu cầu cá nhân ông Lê Văn T1 thanh toán cho bà N1 chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 1980 đến năm 2025 (45 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 540 tháng = 2.700.000.000 đồng;

2.3. Yêu cầu cá nhân bà Lê Thị N thanh toán cho bà N1 chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng từ năm 1996 đến năm 2025 (29 năm) là 5.000.000 đồng/tháng x 348 tháng = 1.740.000.000 đồng.

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên có nghĩa vụ thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền, thì còn phải chịu thêm tiền lãi của khoản tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp đương sự có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

4. Về chi phí tố tụng là 17.724.200 đồng: bà Võ Thị B, bà Võ Thị T, bà Võ Thị C, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 (trong đó chị B1, chị M, chị M1 với tư cách là người thừa kế của bà Lê Thị C1), ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N, mỗi người thừa kế phải chịu 1/6, do bà B đã tạm nộp toàn bộ, nên những người còn lại có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà B số tiền 2.954.033 đồng.

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1. Miễn toàn bộ án phí cho ông Lê Văn T1, bà Lê Thị N, bà Võ Thị B, chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 (trong đó chị B1, chị M, chị M1 với tư cách là người thừa kế của bà Lê Thị C1). H2 lại cho bà Võ Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng. H2 lại cho chung cho chị Tất Thiếu B1, chị Tất Thiếu M, chị Tất Thiếu M1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng.

5.2. Buộc bà Võ Thị T phải nộp 14.408.117 đồng sung Ngân sách Nhà nước.

5.2. Buộc bà Võ Thị T phải nộp 14.408.117 đồng sung Ngân sách Nhà nước. Chuyển khoản tiền tạm ứng bà C đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0000612 sang thi hành án phí, nên bà C phải nộp tiếp 9.408.117 đồng.

6. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều

6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị B2 – V **Trần Văn K**